**BẢN THUYẾT MINH**

**Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức**

**làm việc tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

# *(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)*

**I. TÍNH TOÁN MỨC HỖ TRỢ CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Thực trạng**

Thực hiện Kết luận số 2649-KL/TU, ngày 28/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại Hội nghị rút kinh nghiệm đánh giá kết quả vận hành thử nghiệm hoạt động của tổ chức bộ máy xã, phường thành lập mới, trong đó có nội dung *“Giao Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo:* *Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu cơ chế chính sách hỗ trợ cho cán bộ công chức cấp xã, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trước ngày 30/8/2025”;* UBND tỉnh đã ban hành công văn số 4712/VP-NC ngày 03/07/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 2649-KL/TU ngày 28/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, trong đó giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã.

Ngày 04/7/2025, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 1907/SNV-CCVC về việc rà soát, thống kê danh sách cán bộ công chức cấp xã để xây dựng chính sách hỗ trợ, kết quả tổng hợp số liệu từ báo cáo của Đảng ủy, UBND cấp xã, trong tổng số 4.520 cán bộ, công chức làm việc tại các xã, phường, trong đó có: 630/4.520 người (13,94%) có khoảng cách từ nơi ở đến nơi làm việc dưới 05km; 1.489/4.520 người (32,94%) có khoảng cách từ 05km đến dưới 10km; 1.434/4.520 người (31,73%) có khoảng cách từ 10 km đến dưới 20 km; 857/4.520 (18,96%) có khoảng cách từ 20 đến dưới 40km; 110/4.520 người (2,43%) có khoảng cách từ 40km trở lên.

Qua rà soát, sau khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, một số cán bộ, công chức các sở, ngành, cán bộ, công chức cấp huyện được điều động, bố trí về công tác tại các xã, phường; cán bộ, công chức ở cấp xã (cũ) được điều động, bố trí đến cấp xã (mới), về cơ bản đều làm việc tại địa điểm cách xa nhà. Do đó khó khăn đối với cán bộ, công chức do phải thay đổi chỗ ở, và sinh hoạt gia đình, ảnh hưởng đến đời sống cá nhân và học hành của con cái…Vì vậy, cần phải có chính sách hỗ trợ cho các đối tượng này.

**2. Dự kiến mức chi hỗ trợ kinh phí của tỉnh Lạng Sơn**

Căn cứ thực trạng, khả năng ngân sách của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết về chính sách hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, công chức làm việc tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

2.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về chính sách hỗ trợ đôi với cán bộ, công chức làm việc tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, phường.

**2.3.** Mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ kinh phí.

a) Mức hỗ trợ:

- Cán bộ, công chức từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc có khoảng cách từ 05 km đến dưới 10 km được hưởng mức hỗ trợ: 500.000 đồng/người/tháng.

- Cán bộ, công chức từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc có khoảng cách từ 10 km đến dưới 20 km được hưởng mức hỗ trợ là: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Cán bộ, công chức từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc có khoảng cách từ 20 km đến dưới 40 km được hưởng mức hỗ trợ là: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Cán bộ, công chức từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc có khoảng cách từ 40 km trở lên được hưởng mức hỗ trợ là: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Hình thức hỗ trợ: Chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này được chi trả hàng tháng cùng thời điểm chi trả lương; khoản hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và không làm căn cứ tính các chế độ, phụ cấp khác.

2.4. Thời gian không được tính hưởng chính sách hỗ trợ

- Thời gian đi công tác, làm việc, học tập không ở nơi làm việc từ 01 tháng trở lên;

- Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

- Thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian bị tạm đình chỉ công tác, thời gian bị tạm giữ, tạm giam.

**3. Tham khảo mức hỗ trợ kinh phí của một số tỉnh**

Qua khảo sát mức chi hỗ trợ kinh phí cho cán bộ công chức sau sáp nhập tỉnh, như sau:

| **STT** | **Nội dung** | **Mức hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí thuê nhà** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Lâm Đồng** |  |  |
|  | Hỗ trợ một lần tại thời điểm nhận công tác | 10 triệu đồng/người |  |
|  | Hỗ trợ chi phí đi lại trong thời gian 12 tháng (trừ các chức danh được bố trí xe đưa đón) | 2 triệu đồng/người/tháng. |  |
|  | Hỗ trợ tiền thuê chỗ ở. | 3 triệu đồng/người/tháng. |  |
|  | Cán bộ, nhiên viên cấp tỉnh điều động đi công tác cấp xã hỗ trợ một lần tại thời điểm nhận công tác | 10 triệu đồng/người |  |
| **2** | **Cà Mau** |  | [**Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-01-2025-NQ-HDND-muc-chi-ho-tro-cho-can-bo-tu-Bac-Lieu-den-lam-viec-do-hop-nhat-tinh-Ca-Mau-663955.aspx) |
|  | Chi phí thuê nhà: | 1.200.000 đồng/người/tháng | Thời gian thực hiện trong 24 tháng |
|  | Chi phí đi lại: | 520.000 đồng/người/tháng; |
|  | Chi phí sinh hoạt: | 500.000 đồng/người/tháng. |
| **3** | **Hải Phòng** |  |  |
|  | Đối tượng được hỗ trợ là người thuộc danh sách di chuyển đến làm việc ở cơ quan cấp tỉnh tại trung tâm thành phố Hải Phòng (hiện tại) sau sắp xếp trong khoảng thời gian từ thời điểm thực hiện sắp xếp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. | 3.600.000 đồng/người/tháng | [**Nghị quyết 09/2025/NQ-HĐND**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-09-2025-NQ-HDND-ho-tro-dieu-kien-di-lai-cho-can-bo-den-lam-viec-o-cac-co-quan-cap-tinh-Hai-Phong-663376.aspx) ngày 26/6/2025 |
| **4** | **Tỉnh Phú Thọ** |  |  |
|  | Hỗ trợ tiền đi lại | 0,8 triệu đồng/người/tháng | thời gian thực hiện trong 12 tháng |
|  | Hỗ trợ chi phí lưu trú | 2,4 triệu đồng/người/tháng |
| **5** | **Tỉnh Quảng Ngãi** |  |  |
|  | Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý sẽ được bố trí nhà ở công vụ (trong thời gian chờ bố trí nhà ở được hỗ trợ tiền thuê chỗ ở theo đơn giá thực tế trong 02 tháng) |  |  |
|  | Hỗ trợ chi phí đi lại: (trong 12 tháng, trừ người có xe đưa đón) | 1.600.000 đồng/người/tháng | [**Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND**](https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/chi-dao-dieu-hanh/64/muc-chi-ho-tro-cong-chuc-di-lai-sau-sap-nhap-tinh-quang-ngai)ngày 15/7/2025  Thời gian thực hiện trong 24 tháng |
|  | Hỗ trợ thuê nhà ở: (trừ các đối tượng đã được hỗ trợ thuê chỗ ở hoặc bố trí nhà ở công vụ). | 2.000.000 đồng/người/tháng |
| **6** | **Tỉnh Gia Lai** |  |  |
|  | Mức hỗ trợ tiền đi lại: | 2.000.000 đồng/người/tháng |  |
|  | Mức hỗ trợ điều kiện làm việc (Trường hợp đối tượng đã được bố trí nhà ở công vụ theo quy định thì được hỗ trợ toàn bộ tiền thuê nhà ở công vụ (nếu có) | 4.000.000 đồng/người/tháng |  |
| **7** | **Tỉnh Đồng Tháp** |  |  |
|  | Phương tiện đi lại | 2.600.000 đồng/tháng; |  |
|  | Lưu trú | 2.500.000 đồng/tháng; |  |
| **8** | **Tỉnh Thái Nguyên** |  |  |
|  | Hỗ trợ tiền thuê nhà và hỗ trợ tiền đi lại; | 4 triệu đồng/người/tháng | thời gian thực hiện trong 27 tháng |

**II. DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Dự toán kinh phí thực hiện trong năm 2025** (trong 06 tháng: kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2025): tổng kinh phí dự kiến thực hiện: **18.420.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười tám tỷ, bốn trăm, hai mươi triệu đồng chẵn),* cụ thể:

| **TT** | **NỘI DUNG** | **Số lượng (người)** | **Mức hỗ trợ (đ)/tháng** | **Kinh phí thực hiện (đ)/tháng** | **Kinh phí thực hiện (đ)/tháng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **I** | **Tổng cộng** | **3.890** |  | **3.684.000.000** | **18.420.000.000** |  |
| 1 | Cán bộ, công chức có khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc: từ 05 km đến dưới 10 km | **1.489** | 500.000 | 744.500.000 | 3.722.500.000 |  |
| 2 | Cán bộ, công chức có khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc: từ 10 km đến dưới 20 km | **1.434** | 1.000.000 | 1.434.000.000 | 7.170.000.000 | *Riêng năm 2025 dự toán 06 tháng kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2025* |
| 3 | Cán bộ, công chức có khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc: từ 20 km đến dưới 40 km | **857** | 1.500.000 | 1.285.500.000 | 6.427.500.000 |
| 4 | Cán bộ, công chức có khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc: từ 40 km trở lên | **110** | 2.000.000 | 220.000.000 | 1.100.000.000 |

**2. Dự toán kinh phí thực hiện những năm tiếp theo:**

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện trong 01 năm: **44.802.000.000 đồng/năm** *(Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, tám trăm linh hai triệu đồng chẵn),* cụ thể:

| **Số TT** | **NỘI DUNG** | **Số lượng (người)** | **Mức hỗ trợ (đ)** | **Kinh phí thực hiện (tháng)** | **Kinh phí thực hiện (Năm)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **II** | **Tổng cộng** | **3.890** |  | **3.684.000.000** | **44.208.000.000** |  |
| 1 | Cán bộ, công chức có khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc: từ 05 km đến dưới 10 km | 1.489 | 500.000 | 744.500.000 | 8.934.000.000 | *Dự toán  12 tháng* |
| 2 | Cán bộ, công chức có khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc: từ 10 km đến dưới 20 km | 1434 | 1.000.000 | 1.434.000.000 | 17.208.000.000 |
| 3 | Cán bộ, công chức có khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc: từ 20 km đến dưới 40 km | 857 | 1.500.000 | 1.285.500.000 | 15.426.000.000 |
| 4 | Cán bộ, công chức có khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi làm việc: từ 40 km trở lên | 110 | 2.000.000 | 220.000.000 | 2.640.000.000 |